TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/DS-PT
Ngày 30/9/2022
"*V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và tháo dỡ di dời tài sản gắn liền với đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, về "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và tháo dỡ di dời tài sản gắn liền với đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Dương Hồng Q, sinh năm 1965, địa chỉ: Số ... đường NGT, Phường ..., thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Đặng Công M, địa chỉ: Số ... đường YK, Phường ..., thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Đặng Công M ủy quyền cho ông Dương Hồng Q tham gia tố tụng.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

2. Bà Vũ Minh N, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số ... đường LHP, khóm ..., phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Ông Hoàng Văn Q, địa chỉ: Số …. đường Lý Tự Trọng, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1966, địa chỉ: Số ... đường NCT, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Chị Lê Thị Minh T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

3. Anh Lê Quang M, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số ... đường LHP, khóm ..., phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Vũ Minh N và Bà Phan Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Dương Hồng Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Ông Đặng Công M trình bày:

Vào đầu năm 2020 ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M có nhận chuyển nhượng phần đất có số thửa 58 (nay số mới là 99), tờ bản đồ 05 (nay số mới là 40), tọa lạc tại Khóm 5, Phường 3 thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng của vợ chồng Bà Phan Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng Dũng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 333167 ký ngày 28/6/1997. Đến ngày 14/01/2020 hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Nguyễn Châu và Ông Q, Ông M đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 054568 ngày 28/02/2020. Trên phần đất nhận chuyển nhượng, có những người thuê nhà, quán của vợ chồng Bà H, ông Dũng đều đã di dời giao trả lại mặt bằng lại cho các ông. Tuy nhiên, chỉ có gia đình Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T quản lý diện tích đất 227,2m^2 thuộc thửa đất số 99, thuê để bán quán cà phê không chịu giao trả mặt bằng, mặc dù vợ chồng Bà H đã thông báo yêu cầu di dời từ trước. Nay Ông Q và Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Vũ Minh N, Ông Lê Văn T cùng các con phải tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với đất trả lại phần đất diện tích là 227,2m^2 thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 40, tọa lạc Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết bị đơn là Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T trình bày:

Bà N thống nhất về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của Bà Phan Thị Ngọc H (là cháu gọi bà bằng dì), vào năm 1997 Bà H có nhờ bà từ Cần Thơ xuống ở để trông coi tài sản này. Khi đến trông coi phần đất thì bà và chồng đã bỏ tiền ra để xây dựng phần căn nhà vào năm 1997 và xây dựng quán cà phê vào năm 2009, còn số tiền cụ thể bao nhiêu thì Bà N không nhớ rõ. Phần quán cà phê Bà N thuê đất của Bà H mỗi tháng 1.500.000 đồng, hai bên không có làm hợp đồng. Ngoài ra trước đây Bà H có hứa sẻ hỗ trợ cho bà một nền nhà chiều ngang 04m mặt tiền đường Lê Hồng Phong. Nay tại phiên tòa, Bà N cũng đồng ý di dời để trả lại phần đất trên nhưng bà yêu cầu Bà H thực hiện lời hứa hỗ trợ cho bà một nền nhà có chiều ngang 04 mét giáp mặt tiền đường Lê Hồng Phong.

***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phan Thị Ngọc H trình bày*:**

Bà và Bà N có quan hệ dì cháu với nhau, vào năm 1997 bà có cho gia đình Bà N ở nhờ để trông coi trên phần đất nêu trên và căn nhà trên đất. Khi cho Bà N đến ở nhờ thì bà đã xây dựng căn nhà trên đất, còn toàn bộ những vật dụng trong nhà do Bà N tự mua sắm. Sau đó, Bà N có xây dựng tạm thêm một phần để buôn bán quán cà phê. Vợ chồng bà đã chuyển nhượng hết thửa đất trên cho Ông Q, Ông M và có thông báo yêu cầu gia đình Bà N di dời giao trả lại mặt bằng nhưng phía Bà N không thực hiện. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Q và Ông M, bà cũng đồng ý hỗ trợ di dời cho gia đình Bà N số tiền là 200.000.000 đồng, cộng với 06 tháng tiền thuê chổ ở khác mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 218.000.000 đồng và đồng ý cho Bà N, Ông T được lấy tất cả các vật dụng sau khi tháo dỡ. Trong trường hợp Bà N, Ông T cố tình kéo dài thời gian kháng cáo bản án thì tại phiên tòa phúc thẩm bà sẽ rút lại việc hỗ trợ số tiền trên.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thị Minh Trang và Lê Quang Minh sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

"Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 158; Điều 163; Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 16 Điều 3; Điều 166; Điều 167; Điều 168; Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M về việc yêu cầu Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với đất trả lại quyền sử dụng đất.

2. Buộc Ông Lê Văn T, Bà Vũ Minh N, Lê Thị Minh T và Lê Quang M tháo dỡ toàn bộ công trình, vật kiến trúc và tài sản gắn liền với đất để trả lại phần đất diện tích là 227,2m^2 thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 40, tọa lạc Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng chô ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M, có vị trí và số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với đường Lê Hồng Phong có số đo là 8,5m.

- Hướng Tây giáp với thửa đất số 192 có số đo là 13,6m.

- Hướng Nam giáp với đất số 99 có số đo là 30,6m.

- Hướng Bắc giáp với thửa đất số 667 có số đo là 23.4m.

3. Ghi nhận sự tự nguyện Bà Phan Thị Ngọc H hỗ trợ di dời cho Ông Lê Văn T, Bà Vũ Minh N, Lê Thị Minh Trang và Lê Quang Minh số tiền là 218.000.000 đồng."

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/5/2022, Bà Phan Thị Ngọc H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bỏ nội dung ghi nhận sự tự nguyện của Bà H hỗ trợ di dời cho Ông Lê Văn T, Bà Vũ Minh N, Lê Thị Minh Trang và Lê Quang Minh số tiền 218.000.000 đồng.

Ngày 26/5/2022, Bà Vũ Minh N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông Dương Hồng Q, Ông Đặng Công M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cắt lại cho bà phần đất nền nhà của bà có tứ cận: Hướng Đông giáp đường Lê Hồng Phong là 04m, hướng Tây giáp thửa 192 là 04m, hướng Nam giáp thửa 99 là 30,6m, hướng Bắc giáp thửa 667 là 23,4m; bồi thường phần kiến trúc căn quán hiện hữu theo định giá tại thời điểm xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Hồng Q, Ông Đặng Công M vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, Bà Vũ Minh N vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, Bà Phan Thị Ngọc H rút lại đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đình chỉ yêu cầu kháng cáo của Bà Phan Thị Ngọc H; tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận: Bà Phan Thị Ngọc H đồng ý hỗ trợ cho Bà N, Ông T

tổng số tiền 418.000.000 đồng để di dời tài sản trên đất, trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm Bà N, Ông T phải tháo dỡ di dời toàn bộ công trình, kiến trúc xây dựng và được quyền sử hữu các vật liệu xây dựng sau khi tháo dỡ để giao trả phần đất tranh chấp cho các nguyên đơn, nếu quá thời hạn nêu trên mà Bà N, Ông T không thực hiện thì phía Bà H, Ông Q, Ông M được quyền yêu thi hành án tháo dỡ toàn bộ công trình, kiến trúc xây dựng trên phần đất tranh chấp và Bà H được quyền sở hữu toàn bộ các vật liệu sau khi tháo dỡ. Nội dung thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với nội dung kháng cáo của Bà N về việc buộc ông Dương Hồng Q, Ông Đặng Công M và Bà Phan Thị Ngọc H ổn định cho bà phần đất nền nhà có tứ cận: Hướng Đông giáp đường Lê Hồng Phong là 04m, hướng Tây giáp thửa 192 là 04m, hướng Nam giáp thửa 99 là 30,6m, hướng Bắc giáp thửa 667 là 23,4m là không có cơ sở, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Lê Văn T, Chị Lê Thị Minh T, Anh Lê Quang M đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phan Thị Ngọc H rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bà H.

Xét nội dung kháng cáo của Bà Vũ Minh N:

[3] Về nguồn gốc và quyền sử dụng phần đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp có diện tích là 227,2m^2 là thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 40, tọa lạc Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là của vợ chồng Bà Phan Thị Ngọc H chuyển nhượng lại cho Ông Đặng Công M và ông Dương Hồng Q vào năm 2020 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữa nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 054568 ngày 28/02/2020, diện tích là 2.138,1m^2. Bà Lê Vũ Nam cũng thừa nhận phần đất đang tranh chấp là của vợ chồng Bà H, do không có người trông coi nên vào năm 1997 Bà H có nhờ vợ chồng Bà N về ở để trông coi quản lý giùm phần đất này từ đó cho đến nay. Khi chuyển nhượng đất, Bà H và Ông Q đã thông báo cho gia đình Bà N biết và yêu cầu di dời nơi ở để giao trả phần đất đang quản lý, tuy nhiên gia đình Bà N không thực hiện. Vì vậy, Ông Q và Ông M khởi kiện yêu cầu Bà N, Ông T cùng các con phải tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với đất trả lại phần đất diện tích là 227,2m^2 thuộc thửa đất số 99,

tờ bản đồ số 40, tọa lạc Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông M và Ông Q là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Đối với phần tài sản trên đất tranh chấp gồm có phần nhà trước diện tích 61,20m^2, loại nhà tạm có kết cấu: Nền lát rạch vỉa hè, cột bê tông đúc sẵn, không có vách, đỡ mái gỗ, mái tôl, trần lợp lá; phần nhà chính diện tích 238,13m^2, loại nhà bán kiên cố có kết cấu: Nền 50% láng xi măng + 50% lát rạch vỉa hè, cột bê tông đúc sẵn, vách 1/3 xây tường 10cm + 1/3 vừng tôl + 1/3 rào lưới B40, đỡ mái gỗ, mái tôl, trần lợp lá; nhà vệ sinh là nhà tạm. Bà N cho rằng khi đến ở trên đất vợ chồng bà đã bỏ tiền xây dựng căn nhà vào năm 1997 và đến năm 2009 xây dựng quán cà phê để buôn bán. Tại cấp sơ thẩm, Bà N và Ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh căn nhà là do vợ chồng bà bỏ tiền ra xây dựng. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ Bà H cung cấp xác định căn nhà chính trên đất là do Bà H xây dựng cho vợ chồng Bà N, Ông T ở nhờ là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc xử lý các tài sản xây dựng trên phần đất tranh chấp như sau: Bà Phan Thị Ngọc H sẽ hỗ trợ Bà N, Ông T tổng số tiền 418.000.000 đồng (bốn trăm mười tám triệu đồng) để di dời tài sản trên đất và đồng ý giao cho Bà N và Ông T được quyền sở hữu toàn bộ các vật liệu xây dựng sau khi tháo dỡ kể cả căn nhà của Bà H xây dựng trên đất. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm Bà N, Ông T có nghĩa vụ phải tháo dỡ, phá dỡ và di dời toàn bộ tài sản, công trình, kiến trúc xây dựng trên phần đất tranh chấp để giao trả đất cho ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bà N, Ông T không thực hiện thì phía Bà H, Ông Q, Ông M được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành tháo dỡ, phá dỡ toàn bộ tài sản, công trình, kiến trúc xây dựng trên phần đất tranh chấp và Bà H được quyền lấy lại toàn bộ các vật liệu xây dựng sau khi tháo dỡ. Xét thấy, nội dung thỏa thuận của các đương sự nêu trên là tự nguyện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[5] Đối với nội dung kháng cáo của Bà N về việc: Buộc ông Dương Hồng Q, Ông Đặng Công M và Bà Phan Thị Ngọc H ổn định cho bà phần đất nền nhà có tứ cận: Hướng Đông giáp đường Lê Hồng Phong là 04m, hướng Tây giáp thửa 192 là 04m, hướng Nam giáp thửa 99 là 30,6m, hướng Bắc giáp thửa 667 là 23,4m. Xét thấy, Bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Bà H có thỏa thuận hứa cho bà phần đất nêu trên và trong quá trình giải quyết vụ án Bà H cũng không đồng ý hỗ trợ cho Bà N một cái nền nhà, do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Bà N là có căn cứ.

[6] Từ các tình tiết phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát công nhận nội dung thỏa thuận của các đương sự về xử lý tài sản trên đất và không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà N về ổn định nền nhà cho gia đình bà.

[7] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Bà N được chấp nhận một phần nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà H rút đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 163 và Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12, khoản 5 và khoản 7 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sửa bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M về "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và tháo dỡ di dời tài sản gắn liền với đất*" đối với Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T:

Buộc Ông Lê Văn T, Bà Vũ Minh N, Chị Lê Thị Minh T và Anh Lê Quang M có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M diện tích đất là 227,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 40, tọa lạc Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí và số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp với đường Lê Hồng Phong có số đo là 8,5m; hướng Tây giáp với thửa đất số 192 có số đo là 13,6m; hướng Nam giáp với đất số 99 có số đo là 30,6m; hướng Bắc giáp với thửa đất số 607 có số đo là 23.4m.

Trong thời hạn 60 ngày tính kể từ ngày 30/9/2022, Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ hoặc phá dỡ, di dời toàn bộ công trình, vật kiến trúc và tài sản gắn liền với phần đất nêu trên để giao trả đất ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M. Bà N và Ông T được quyền sở hữu toàn bộ các vật liệu xây dựng sau khi tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bà N và Ông T không thực hiện thì Bà H, Ông Q, Ông M được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án cưỡng chế tháo dỡ hoặc phá dỡ toàn bộ công trình, vật kiến trúc và tài sản gắn liền với phần đất nêu trên, đồng thời Bà H được quyền sở hữu toàn bộ các vật liệu xây dựng sau khi tháo dỡ.

2. Bà Phan Thị Ngọc H có trách nhiệm hỗ trợ cho Ông Lê Văn T và Bà Vũ Minh N tổng số tiền 418.000.000 đồng (bốn trăm mười tám triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T phải chịu là 1.150.000 đồng (một triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng), ông, bà có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Minh N và Ông Lê Văn T cùng phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông, bà có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Hoàn trả cho ông Dương Hồng Q và Ông Đặng Công M số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004418 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bà Phan Thị Ngọc H.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vũ Minh N không phải chịu án phí phúc thẩm, bà được nhận lại số tiền tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000562 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000564 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận